



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**THÔNG BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
THÁNG VIII/2015**



HÀ NỘI, THÁNG IX/2015

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo Khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>

MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VIII/2015	2
1. Vùng Tây Bắc.....	3
2. Vùng Việt Bắc.....	4
3. Vùng Đông Bắc.....	6
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	7
5. Vùng Bắc Trung Bộ	8
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	10
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	11
8. Vùng Tây Nguyên	13
9. Vùng Nam Bộ.....	14
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VIII/2015.....	15
1. Đối với cây lúa	16
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	17
3. Tình hình sâu bệnh	18
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IX, X, XI/2015	20
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	21
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	22

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VIII/2015

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VIII/2015 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,5^{\circ}\text{C}$ đến $1,3^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -207mm đến 223mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -104 giờ đến 34 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 5% đến 12%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VIII/2015 ở từng vùng của nước ta như sau:

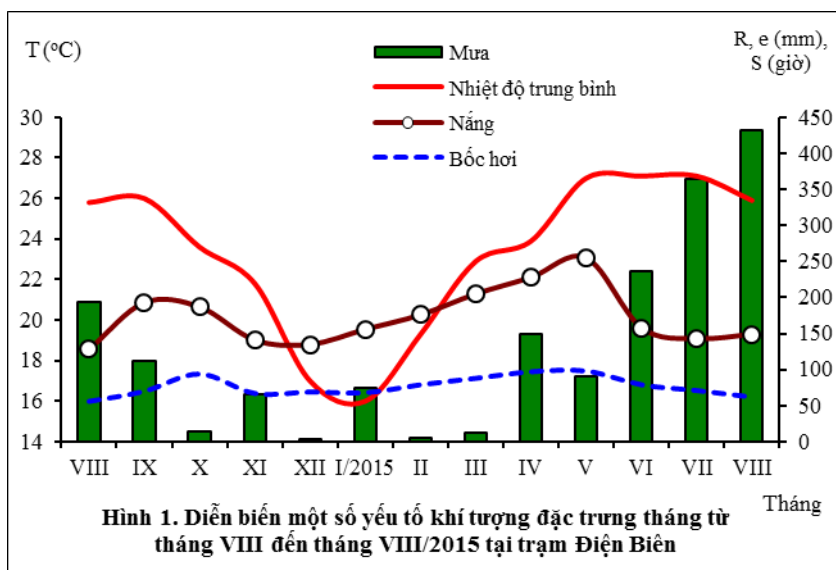
1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,5 đến 1,3⁰C; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ 20,2⁰C (Sìn Hồ) đến 28,4⁰C (Chi Nê) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ 17,8⁰C đến 25,5⁰C, giá trị thấp nhất là 15,9⁰C xảy ra vào ngày 13/VIII tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 24,2⁰C (Sìn Hồ) đến 33,4⁰C (Hòa Bình), giá trị cao nhất là 37,7⁰C xảy ra vào ngày 29/VIII tại Yên Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 tại trạm Điện Biên

theo thời gian từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VIII/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-127mm đến 108mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 193mm đến 459mm, cao nhất là 492mm tại Chi Nê.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 43mm đến 112mm, cao nhất là

153mm vào ngày 03/VIII tại Chi Nê.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 11 đến 22 ngày, cao nhất là 23 ngày tại Sìn Hồ và Tam Đường. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày, cao nhất là 23 ngày tại Điện Biên; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VIII/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 13 giờ đến 33 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 128 giờ đến 182 giờ, cao nhất là 192 giờ (Phù Yên) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2015 dao động từ 82% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -5% đến -3%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 46% xảy ra vào ngày 02/VIII tại Mường Lay.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VIII/2015 có giá trị phổ biến từ 43mm đến 76mm, cao nhất là 111mm tại Sông Mã. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-435mm đến -82mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 6mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 5 ngày với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 4 đến 16 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày từ 6 đến 15 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng VIII/2015 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,4^{\circ}\text{C}$ đến $0,7^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ $19,1^{\circ}\text{C}$ (Sa Pa) đến $28,8^{\circ}\text{C}$ (Vĩnh Yên);

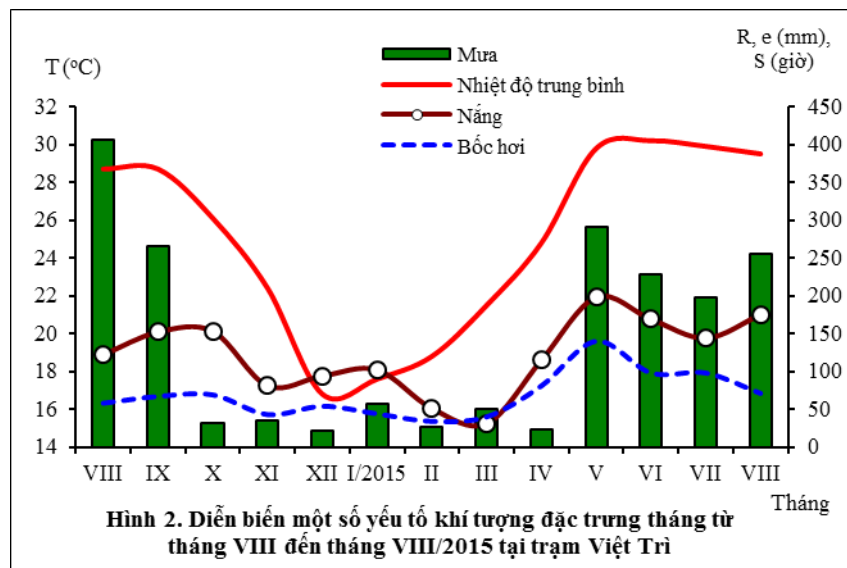
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $16,8^{\circ}\text{C}$ (Sa Pa) đến $26,1^{\circ}\text{C}$ (Vĩnh Yên), *nhiệt độ không khí thấp nhất là $14,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 13/VIII tại Sa Pa, đây là giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất toàn quốc.*

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,0⁰C (Sa Pa) đến 33,6⁰C (Bắc Quang), nhiệt độ không khí cao nhất là 37,5⁰C xảy ra vào ngày 14/VIII tại Bắc Quang.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 262mm đến 561mm, cao nhất là 597mm tại Bắc Quang; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-138mm đến 187mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 53mm đến 114mm, cao nhất là 120mm xảy ra vào ngày 03/VIII tại Vĩnh Yên. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 8 - 22 ngày, cao nhất là 25 ngày tại Mù Căng Chải. Số ngày mưa liên



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 tại trạm Việt Trì

tục phổ biến từ 4 đến 9 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2015 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 115 giờ đến 182 giờ, cao nhất là 188 giờ (Ngân Sơn), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-24 giờ đến -12 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2015 phổ biến từ 82 đến 91%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-4% đến -3%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 43%, xảy ra vào ngày 14/VIII tại Lào Cai, đây là giá trị độ ẩm không khí thấp nhất toàn quốc.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 35mm đến 85mm, cao nhất là 88mm tại Yên Bái, và có giá trị ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-542mm đến -174mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 8mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 6 ngày, trong đó có 1 ngày có cường độ mạnh tại Lào Cai;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 5 đến 18 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

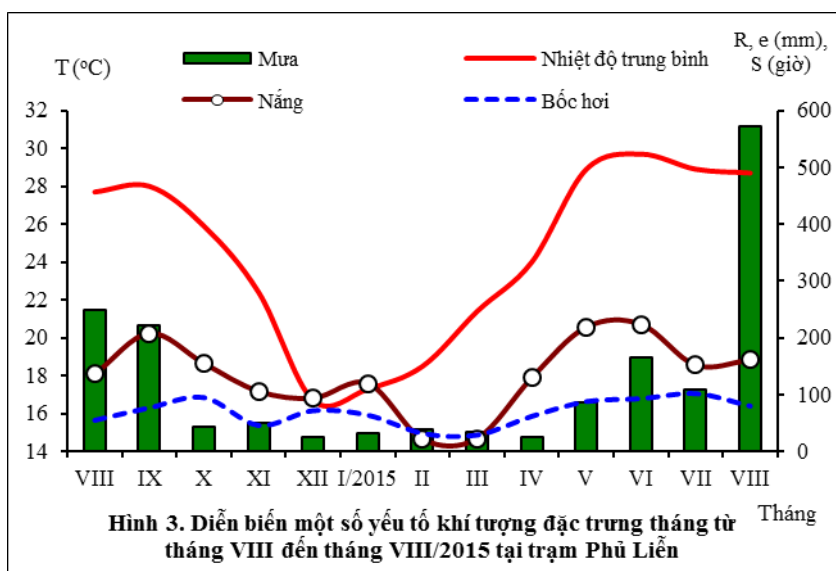
3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3 đến 0,7⁰C); có giá trị dao động từ 25,7⁰C (Trùng Khánh - Cao Bằng) đến 28,7⁰C (Uông Bí) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 31,3⁰C (Trùng Khánh) đến 34,2⁰C (Bảo Lạc), giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,7⁰C xảy ra vào ngày 29/VIII tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 22,6⁰C (Trùng Khánh) đến 25,9⁰C (Uông Bí), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,0⁰C xảy ra vào ngày 13/VIII tại Trùng Khánh. Biến trình

nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.



3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng VIII/2015 dao động phổ biến từ 228mm đến 509mm, cao nhất là 514mm tại Bắc Giang, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-155mm đến 201mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 65 đến 180mm, cao nhất là 192mm xảy ra vào ngày 08/VIII tại Bắc Giang.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 16 - 21 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VIII/2015 đo được ở các nơi trong vùng ở mức thấp hơn giá trị TBNN (-30 giờ đến -12 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 137 giờ (Sơn Động) đến 173 giờ (Cao Bằng), cao nhất là 182 giờ tại Trùng Khánh.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2015 ở các nơi dao động phổ biến từ 84 đến 89%, ở mức xấp xỉ giá trị TBNN; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 43% xảy ra vào ngày 13/VIII tại Trùng Khánh, cùng với Lào Cai và Tam Kỳ đây là giá trị độ ẩm không khí thấp nhất toàn quốc.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 41mm đến 74mm, cao nhất là 84mm tại Trùng Khánh. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-446mm đến -190mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 5mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 9 ngày và có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 5 đến 20 ngày.

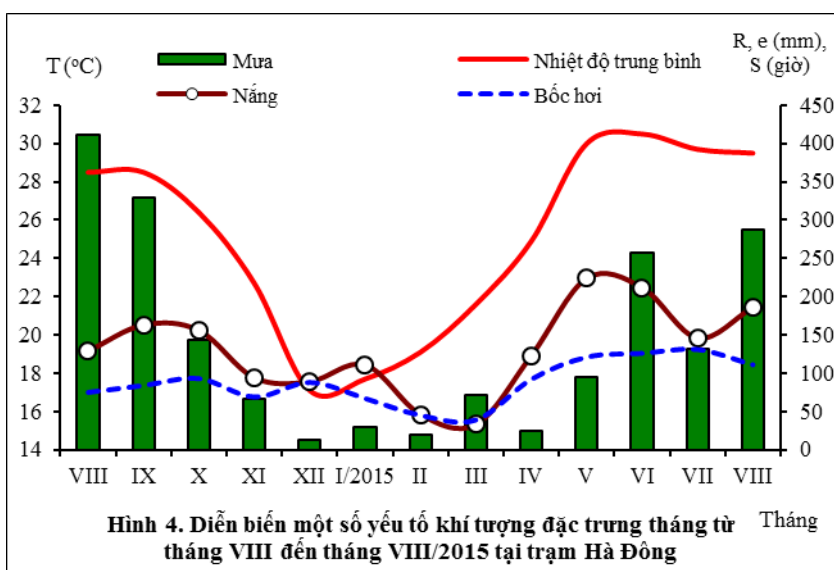
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 28,3⁰C (Sơn Tây) đến 29,1⁰C (Láng), ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,5⁰C đến 0,9⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,6⁰C (Văn Lý) đến 33,5⁰C (Láng), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,6⁰C xảy ra vào ngày 14/VIII tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 25,7⁰C (Thái Bình) đến 26,4⁰C (Láng và Văn



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 tại trạm Hà Đông

Lý), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $23,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 08/VIII tại Hà Đông. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (30mm đến 223mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 318mm đến 478mm, cao nhất là 541mm tại Láng.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 59 đến 171mm, cao nhất là 176mm xảy ra vào ngày 08/VIII tại Hà Đông; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 12 đến 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 8 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 9 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2015 ở các nơi trong vùng dao động từ 129 giờ (Hà Đông) đến 162 giờ (Văn Lý), cao nhất là 165 giờ tại Hà Đông; có giá trị ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -51 giờ đến -10 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 81% (Láng) đến 88% (Thái Bình), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-5% đến -3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 50% xảy ra vào ngày 17/VIII tại Nho Quan.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 63mm (Sơn Tây) đến 92mm (Văn Lý), cao nhất là 162mm tại Phú Lý; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -461mm đến -228mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày dao động từ 1 đến 3 ngày, có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 8 đến 13 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,3^{\circ}\text{C}$ đến $0,9^{\circ}\text{C}$ (hình 10) và có giá trị từ $27,7^{\circ}\text{C}$ (Hội Xuân) đến $29,2^{\circ}\text{C}$ (Vinh).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $32,1^{\circ}\text{C}$ (Yên Định) đến

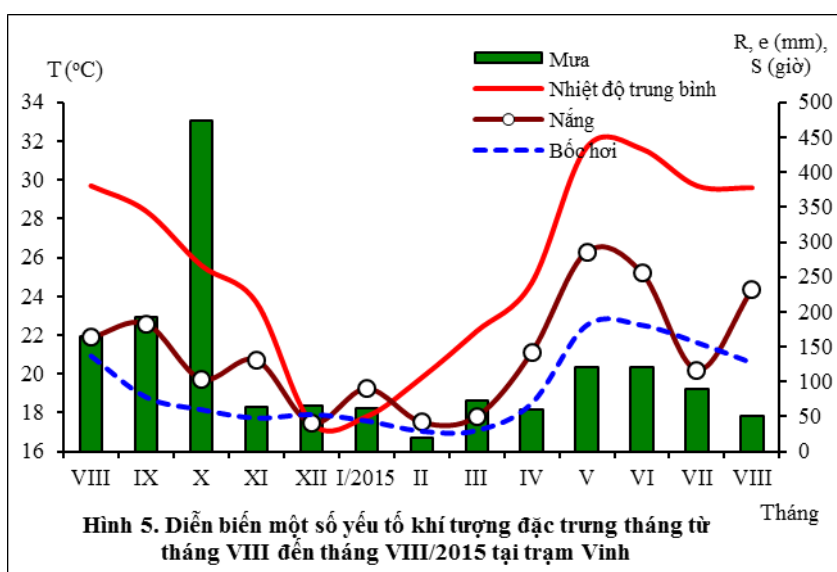
34,0⁰C (Tương Dương), giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,2⁰C xảy ra vào ngày 29/VIII tại Hương Sơn, đây là giá trị nhiệt độ không khí cao nhất toàn quốc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,4⁰C (Tương Dương) đến 26,6⁰C (Vinh), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,8⁰C xảy ra vào ngày 26/VIII tại Hương Sơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VIII/2015, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 153mm đến 408mm, cao nhất là 411mm tại Như Xuân. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-62mm đến 215mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 54 đến 163mm, cao nhất là 331mm, xảy ra vào ngày 07/VIII tại Kỳ Anh, đây là giá trị lượng mưa ngày lớn nhất toàn quốc.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 tại trạm Vinh

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 - 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 137 (Hồi Xuân) đến 193 giờ (Tĩnh Gia), cao nhất là 202 giờ (Hà Tĩnh); tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -16 giờ đến 24 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 76% (Kỳ Anh) đến 89% (Yên Định và Tương Dương), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-5% đến -3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44% xảy ra vào ngày 14/VIII tại Quỳnh Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 52mm đến 122mm, cao nhất là

134mm tại Kỳ Anh; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 10mm, cao nhất là 11mm tại Vinh, đây là giá trị lượng bốc hơi ngày cao nhất toàn quốc. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-343mm đến -31mm).

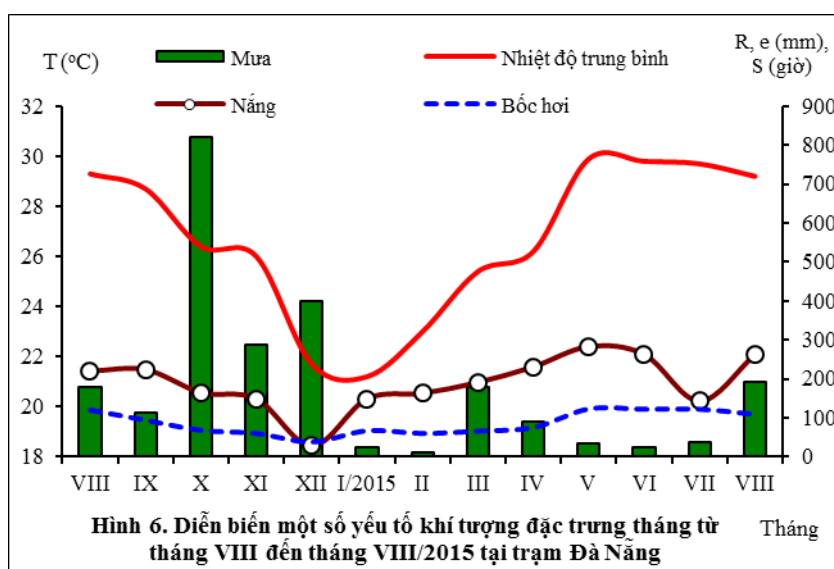
5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 6 ngày, có cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 3 đến 18 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2015 từ 23,9⁰C (Trà My) đến 29,3⁰C (Đà Nẵng), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,5⁰C đến 0,7⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 tại trạm Đà Nẵng

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,0⁰C (Khe Sanh) đến 33,9⁰C (Đà Nẵng và Quảng Ngãi), giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,2⁰C xảy ra vào ngày 17/VIII tại Quảng Ngãi, cùng với Hương Sơn, đây là giá trị nhiệt độ không khí cao nhất toàn quốc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,2⁰C (Khe Sanh) đến 26,5⁰C (Ba Đồn), giá trị nhiệt độ thấp nhất là 22,0⁰C xảy ra vào ngày 06/VIII tại Khe Sanh.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng VIII/2015 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 39mm đến 127mm, cao nhất là 160mm tại Ba Đồn. Ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-177mm đến -23mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 11 đến 53mm, cao nhất là 132mm xảy ra vào ngày 07/VIII tại Ba Đồn.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 đến 13 ngày, cao nhất là 20 ngày tại Khe Sanh; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 4 ngày, cao nhất là 11 ngày tại Khe Sanh; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 102 giờ đến 186 giờ, cao nhất là 188 giờ tại Ba Đồn. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-87 giờ đến -19 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 75% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 12%; *giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 43% xảy ra vào các ngày 17/VIII tại Tam Kỳ, cùng với Lào Cai và Trùng Khánh, đây là nơi có giá trị độ ẩm không khí thấp nhất toàn quốc.*

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 48mm đến 122mm, cao nhất là 131mm tại Đồng Hới. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 10mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-45mm đến 67mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 9 ngày, trong đó tại Tam Kỳ có 2 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 2 đến 9 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2015 từ 27,2⁰C (Phan Thiết) đến 29,4⁰C (Quy Nhơn), ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 10).

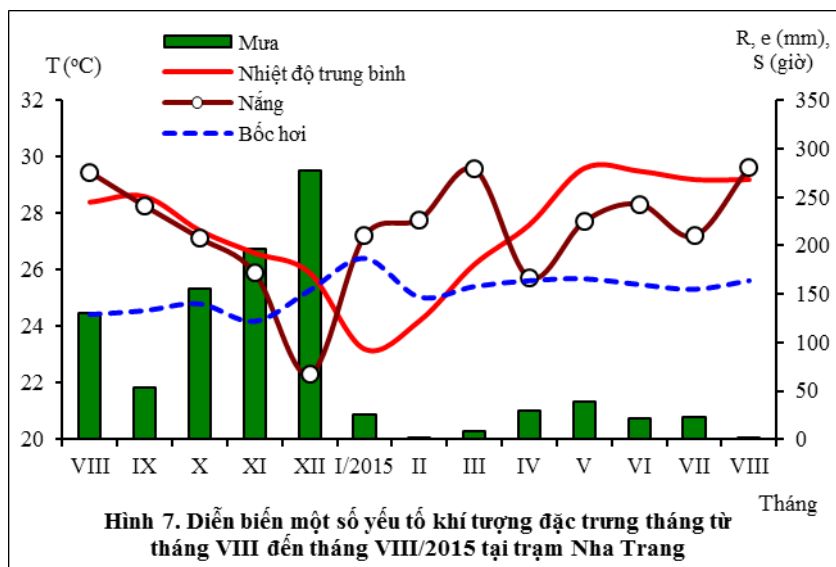
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,2⁰C (Phú Quý) đến 33,1⁰C (Tuy Hòa), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,3⁰C xảy ra vào ngày 17/VIII tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,8⁰C (Phan Thiết) đến 27,4⁰C (Quy Nhơn), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,0⁰C, xảy ra

vào ngày 05/VIII tại Phan Rang và ngày 23/VIII tại Phan Thiết. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VIII/2015, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 46mm đến 101mm, cao nhất là 226mm tại Phan Thiết. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -116mm đến 51mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015



tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 9mm đến 36mm, cao nhất là 46mm, xảy ra vào các ngày 12/VIII tại Quy Nhơn và ngày 23/VIII tại Phan Thiết.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 10 đến 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 3 đến 12 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2015 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 163 giờ (Quy Nhơn) đến 223 giờ (Nha Trang), cao nhất là 227 giờ tại Phú Quý, đây là giá trị tổng số giờ nắng tháng cao nhất toàn quốc; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-70 giờ đến 24 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 73% (Quy Nhơn) đến 87% (Phú Quý), phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 46% xảy ra vào ngày 17/VIII tại Hoài Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 106mm đến 153mm, cao nhất là 165mm tại Phan Rang, đây là giá trị tổng lượng bốc hơi tháng cao nhất toàn quốc. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 6 đến 9mm, cao nhất là 11mm xảy ra vào ngày 17/VIII tại Quy Nhơn, cùng với Vinh, đây là giá trị lượng bốc hơi

ngày cao nhất toàn quốc. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa (36mm đến 81mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

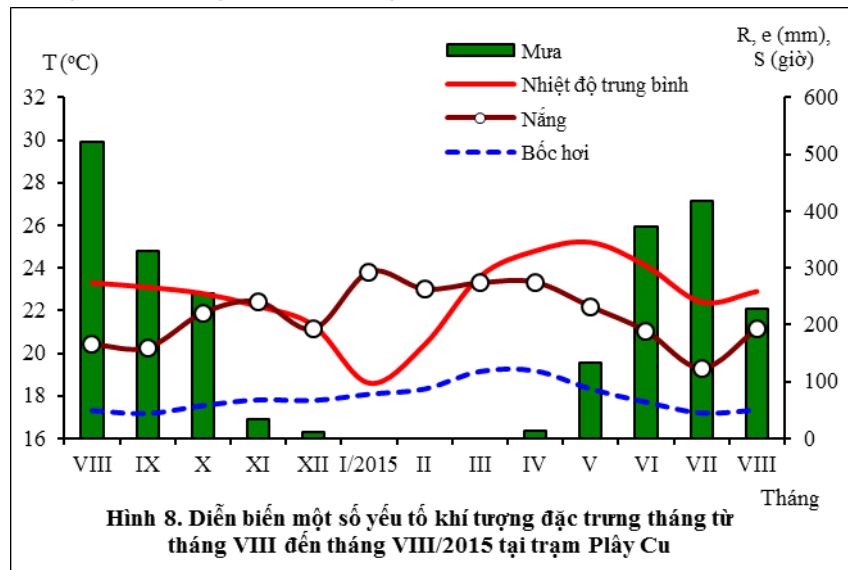
- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 9 ngày, có cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 9 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2015 từ 18,9⁰C (Đà Lạt) đến 26,7⁰C (Ayunpa - Gia Lai); phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3⁰C đến 0,8⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,5⁰C (Đà Lạt) đến 31,0⁰C (Ayunpa); giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,5⁰C xảy ra vào ngày 31/VIII tại Ayunpa.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,0⁰C (Đà Lạt) đến 24,2⁰C (Ayunpa), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,5⁰C xảy ra vào ngày 05/VIII tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VIII/2015 dao động từ 132mm đến 347mm, cao nhất là 454mm tại Plây Cu. Phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -124mm đến -39mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 32mm đến 70mm, cao nhất là 97mm vào ngày 26/VIII tại Kon Tum. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 20 đến 30 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 8 đến 16 ngày, cao nhất là 23 ngày tại Plây Cu, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015

tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2015 phổ biến từ 87 giờ (Plây Cu) đến 133 giờ (Ayunpa), cao nhất là 146 giờ tại Buôn Ma Thuột. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-41 giờ đến -16 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -5% đến -3%, hình 13), có giá trị phổ biến từ 83% (Ayunpa) đến 90% (Plây Cu và Bảo Lộc); độ ẩm không khí thấp nhất là 50% xảy ra vào ngày 17/VIII tại Ayunpa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 27mm (Đà Lạt) đến 69mm (Kon Tum), cao nhất là 77mm tại Ayunpa. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 6mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-308mm đến -112mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 14 ngày.

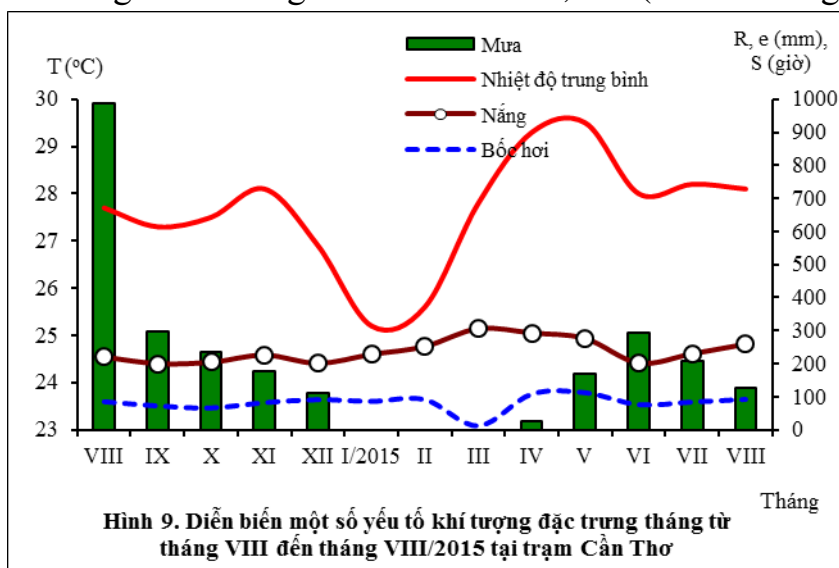
9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2015 từ 26,2⁰C (Phước Long) đến 28,3⁰C (Tân Sơn Nhất), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,4⁰C đến 1,2⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,1⁰C (Rạch Giá) đến 33,9⁰C (Tân Sơn Nhất), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,8⁰C xảy ra vào ngày 19/VIII tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,3⁰C (Phước Long) đến 26,0⁰C (Rạch Giá), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,4⁰C xảy ra vào ngày 06/VIII tại Phước Long. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 tại trạm Cần Thơ.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2015 tại trạm Cần Thơ

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VIII/2015 dao động phổ biến từ 84mm đến 410mm, *cao nhất là 613mm tại Phước Long, đây là giá trị tổng lượng mưa tháng cao nhất toàn quốc.* Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-207mm đến 91mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 24mm đến 99mm, cao nhất là 121mm xảy ra vào ngày 11/VIII tại Tây Ninh.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 13 đến 26 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 18 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2015 phổ biến từ 65 giờ (Đồng Phú) đến 201 giờ (Cần Thơ), cao nhất là 211 giờ tại Mộc Hóa; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-104 giờ đến 34 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 80% (Tân Sơn Nhất và Vũng Tàu) đến 88% (Phước Long và Tây Ninh), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -4% đến 4%, hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 49% xảy ra vào ngày 20/VIII tại Tân Sơn Nhất và Cần Thơ.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 26mm đến 106mm, cao nhất là 109mm tại Rạch Giá (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn; trị lượng mưa tháng (-219mm đến -22mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất tại Tân Sơn Nhất với số ngày là 6 ngày, có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 2 đến 18 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VIII/2015

Tháng VIII/2015 điều kiện khí tượng nông nghiệp ở hầu hết các vùng trong cả nước tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Hầu hết các yếu tố khí tượng nông nghiệp ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị trung bình nhiều năm, lượng mưa lớn, số ngày mưa nhiều, phân bố đều trong tháng, kết hợp với nền nhiệt và số giờ nắng khá tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng và

phát triển thuận lợi. Tuy nhiên vào đầu tháng do ảnh hưởng của đợt mưa lớn ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và một số tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc gây thiệt hại nghiêm trọng đến người và tài sản và sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra, gió tây khô nóng phát triển mạnh ở khu vực Bắc và Trung Trung Bộ, khu vực Nam Trung Bộ đang trong giai đoạn mùa khô nên xảy ra tình hình thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp; khu vực đồng bằng Sông Cửu Long lũ và triều cường cũng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp ở khu vực này

Hoạt động lĩnh vực trồng trọt trong tháng ở các tỉnh miền Bắc tập trung vào việc làm cỏ, bón phân, tưới dưỡng cho lúa, phòng trừ sâu bệnh bảo vệ lúa và các cây rau, màu vụ hè thu - thu đông đồng thời tranh thủ gieo cấy các loại cây rau màu đang còn thời vụ chăm sóc lúa mùa, một số tỉnh miền núi còn rải rác gieo cấy thêm lúa mùa muộn. Đồng bằng Bắc Bộ tập trung khắc phục hậu quả của các trận mưa lớn gây ra. Tính đến cuối tháng, các tỉnh miền Bắc gieo cấy lúa mùa đạt 1.152,3 ngàn ha, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước. Các tỉnh miền Nam đang trong thời kỳ thu hoạch rộ lúa hè thu, tính đến cuối tháng 8 diện tích thu hoạch đạt 1.111 ngàn ha, chiếm 58% diện tích xuống giống. Theo đánh giá bước đầu của các địa phương, năng suất bình quân trên diện tích đã thu hoạch của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long ước đạt 58,3 tạ/ha, tăng 1,1 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước. Trên những chân ruộng đã thu hoạch xong lúa Hè thu và Xuân hè, các tỉnh ĐB sông Cửu Long tiếp tục gieo trồng lúa thu đông, diện tích gieo trồng tính đến ngày 15/8 ước đạt 473.2 ngàn ha.

1. Đối với cây lúa

Thời tiết đầu tháng VIII chịu ảnh hưởng của các đợt mưa lớn gây thiệt hại nhiều cho sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh đồng bằng, trung du miền núi phía Bắc. Vào trung tuần và cuối tháng VIII ngày trời nắng nhẹ, chiều tối và đêm có mưa rào, tranh thủ thời tiết thuận lợi các địa phương Miền Bắc tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho lúa mùa. Ở miền Nam, các khu vực miền Trung và Tây Nguyên có mưa nhiều nơi, cơ bản giải quyết tình trạng khô hạn cục bộ; các tỉnh Nam Bộ tập trung thu hoạch lúa hè thu, xuống giống lúa thu đông/mùa và tiếp tục gieo trồng rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu/mùa.

- *Lúa mùa*: Tính đến cuối tháng, tổng diện tích gieo cấy lúa mùa cả nước đạt hơn 1.372 ngàn ha, tăng 3.2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó các tỉnh miền Bắc đạt 1.152,3 ngàn ha. Hiện nay, tại các tỉnh miền Bắc, trừ một số địa bàn vùng miền núi còn rải rác gieo cấy thêm lúa mùa muộn trên các chân ruộng cao nhờ vào nước trời, các địa phương còn lại đang tập trung làm cỏ, bón phân, tưới dưỡng cho lúa trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, lúa sinh trưởng và phát triển tương đối tốt. Các trà lúa mùa cực sớm và sớm, được các địa phương

bố trí thu hoạch sớm để lấy đất gieo trồng cây vụ đông, đang ở giai đoạn đứng cái, làm đòng; các trà lúa chính vụ và muộn đang ở giai đoạn đẻ nhánh rộ.

Tại các tỉnh miền Nam, diện tích lúa mùa đạt hơn 220 ngàn ha, bằng 98,9% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích lúa mùa xuống giống chủ yếu tập trung ở các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Riêng vùng ĐBSCL mới xuống giống đạt hơn 8 ngàn ha. Diện tích lúa mùa tăng chậm so với cùng kỳ năm trước do các địa phương tập trung thu hoạch lúa hè thu và xuống giống lúa thu đông.

- *Lúa hè thu*: Vùng Duyên hải Nam Trung bộ, hiện nay lúa hè thu sớm chuẩn bị cho thu hoạch, lúa hè thu đại trà đang ở giai đoạn trổ trong điều kiện thời tiết trong vùng cơ bản thuận lợi.

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), lúa hè thu đang trong thời kỳ thu hoạch rộ. Tính đến cuối tháng 8, các địa phương trong vùng đã thu hoạch hơn 1,1 triệu ha, chiếm khoảng 58,3% diện tích xuống giống. Một số địa phương trong vùng đã cơ bản kết thúc thu hoạch như: Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cần Thơ đều thu hoạch 100%. Theo đánh giá bước đầu, năng suất bình quân trên diện tích đã thu hoạch đạt 58,3 tạ/ha, tăng 1,2 tạ/ha so với vụ trước.

- *Lúa thu đông*: Do điều kiện thời tiết tại vùng ĐBSCL tương đối thuận lợi nên diện tích lúa thu đông năm nay tiếp tục tăng nhanh. Tính đến cuối tháng 8 các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã gieo trồng được 473,2 ngàn ha lúa thu đông, tăng khoảng 10% so với cùng kỳ năm trước. Một số tỉnh có diện tích tăng mạnh như Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, đều tăng trên 20% so với cùng kỳ năm ngoái.

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Trong tháng các địa phương tiếp tục gieo trồng và thu hoạch rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu và vụ mùa. Tính đến cuối tháng 8, đầu tháng 9, tổng diện tích gieo trồng các cây màu lương thực cả nước đạt gần 1,57 triệu ha, trong đó diện tích ngô đạt trên 956 ngàn ha, khoai lang đạt 113,4 ngàn ha, sắn đạt gần 473 ngàn ha.

Tổng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày đạt gần 534 ngàn ha, tăng 3,6% cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích lạc đạt gần 170 ngàn ha, đậu tương đạt 95,4 ngàn ha, thuốc lá đạt gần 27 ngàn ha. Rau đậu các loại đạt 768 ngàn ha.

Ở Mộc Châu, Ba Vì, Phú Hộ chè trong giai đoạn nảy chồi, lá thật 1 trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá.

Ở Bắc Trung Bộ lạc trong giai đoạn hình thành củ, đậu tương ra quả, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Ở Tây Nguyên và Xuân Lộc cà phê trong giai đoạn hình thành quả, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá

3. Tình hình sâu bệnh

Theo thống kê của Cục Bảo vệ thực vật, trong tháng 8 diện tích nhiễm các sâu bệnh hại chủ yếu trên lúa đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt là đối với sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, bệnh khô vằn và đạo ôn cổ bông. Một số dịch như dịch chuột hại lúa, lem lép hạt hại lúa và sâu đục thân hại lúa tại các tỉnh Bắc Trung Bộ, Bắc Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long phát sinh tăng so với cùng kỳ năm trước.

- Ốc bươu vàng: Gây hại tại các tỉnh Bắc Bộ và đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm là 23.770 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 1.358 ha.

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 28.054 ha, diện tích nhiễm nặng 1.878 ha. Phân bố rải rác tại Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Diện tích nhiễm toàn quốc là 68.508 ha, diện tích nhiễm nặng 14.895ha, tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bắc Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

- Bệnh đạo cổ bông: Tổng diện tích nhiễm 7.730 ha, bệnh hại chủ yếu tại đồng bằng sông Cửu Long.

- Bệnh đạo ôn lá: Gây hại ở các tỉnh Bắc Bộ, đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 31.495 ha, diện tích nhiễm nặng 244 ha.

- Bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá: Hại diện hẹp tại Đồng Tháp với diện tích nhiễm 96 ha.

- Chuột: Tổng diện tích hại 14.041 ha, diện tích bị nặng 543 ha. Chuột hại tại các tỉnh Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm sâu non 4.645,4 ha. Sâu gây hại chủ yếu tại Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 19.092 ha; diện tích nhiễm nặng 326 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Bình và đồng bằng sông Cửu Long.

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 22.401 ha, diện tích nhiễm nặng 485 ha tập trung tại Nghệ An, Huế, Quảng Trị, duyên hải Nam Trung Bộ và đồng

bằng sông Cửu Long.

- Khô vằn hại lúa: Bệnh xuất hiện tại các tỉnh Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích 61.251 ha, diện tích nhiễm nặng 4.258 ha.

Các đối tượng dịch hại khác như: bọ trĩ, bọ xít dài, bọ xít đen...gây hại nhẹ trên phạm vi hẹp.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VIII/2015

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn lá thật thứ nhất	Khá	ẩm	
2		Điện Biên	Lúa mùa trở bông	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa trở bông, ngâm sữa	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè đẻ nhánh, mọc dón	TB	ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	3cm	
6		Lạng Sơn	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	4cm	
7		Bắc Giang	Lúa mùa mọc dón	Tốt	3cm	
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	TB	
9		Ba Vì	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	TB	
10	Đồng bằng Sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa mọc dón	TB	3cm	
11		Hoài Đức	Cam ra lá mới	TB	Quá ẩm	
12			Lúa mùa mọc dón	Khá	4cm	
13		Hải Dương	Lúa mùa mọc dón, đẻ nhánh	Khá	3cm	
14		Hưng Yên	Lúa mùa mọc dón	Khá	3cm	
15		Nam Định	Lúa mùa mọc dón	Khá	4cm	
15		Ninh Bình	Lúa mùa mọc dón	TB	Quá ẩm	
17	Thái Bình	Lúa mùa mọc dón	Khá	4cm		

18	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Đậu t-ơng nở hoa	TB	TB	
19			Lạc nở hoa	TB	TB	
20		Thanh Hoá	Lúa mùa mọc dón	TB	4cm	
21		Quỳnh Lưu	Lúa hè thu chắc xanh	TB	3cm	
22		Đô Lương	Lúa hè thu ngâm sữa	TB	3cm	
23	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa hè thu thu hoạch			
24	Nam	Tuy Hoà	Lúa hè thu chắc xanh	Khá	4cm	
25	Trung Bộ	An Nhơn	Lúa hè thu thu hoạch			
26	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	TB	
27	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	ảm	
28		Trà Nóc	Lúa hè thu đẻ nhánh	Khá	3cm	
29		Mỹ Tho	Lúa hè thu thu hoạch			
30		Bạc Liêu	Lúa hè thu chín hoàn toàn	Khá	Quá ảm	Chuột rất nhẹ <10%

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IX, X, XI/2015

3.1. Nhiệt độ

Trong 3 tháng tới, nhiệt độ có khả năng hụt chuẩn ở một phần diện tích thuộc Thanh Hóa, Quảng Trị, Đăk Nông và phía Bắc của Tây Nam Bộ với xác suất từ 66 đến 77%. Khả năng cận đến vượt chuẩn của nhiệt độ có thể xảy ra trên đa phần diện tích cả nước với xác suất từ 66 đến 77%. Chuẩn sai của nhiệt độ chủ yếu dao động từ 0 đến 1°C trên đa phần diện tích cả nước.

3.2. Lượng mưa

Trong ba tháng tới, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn trên đa phần diện tích Bắc Bộ, một phần diện tích thuộc Tây Nghệ An, Kon Tum và Trà Vinh với xác suất từ 66% đến trên 77%. Khả năng cận chuẩn của lượng mưa đáng chú ý ở một phần diện tích thuộc Bình Định và Kon Tum với xác suất trên 55%. Khả năng vượt chuẩn của lượng mưa có khả năng xảy ra trên đa phần diện tích phía Nam (từ Nghệ An trở vào) với xác suất từ 55% tới trên 77%.

Chuẩn sai của lượng mưa dao động từ -200 đến 0mm trên đa phần diện tích phía Bắc (từ Thanh Hóa trở ra) và từ 0 đến 600mm trên đa phần diện tích phía Nam (từ Nghệ An trở vào).

Riêng khu vực từ Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi, lượng mưa có khả năng vượt chuẩn trên 400mm.

3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Theo kết quả thống kê trung bình mùa 3 tháng IX, X, XI thời kỳ 1971 – 2000, có khoảng 6 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và 4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

Kết quả dự báo của Viện Nghiên cứu Quốc tế về Khí hậu và Xã hội (IRI – Mỹ) cho rằng: số lượng XTNĐ hoạt động trên khu vực Tây Bắc TBD trong mùa bão (từ tháng VII-X) có khả năng vượt chuẩn với xác suất khoảng 45%.

Theo kết quả dự báo của Đại học Tổng hợp Luân Đôn (Anh) ngày 7/V/2015, số XTNĐ hoạt động trên khu vực Tây Bắc TBD trong năm 2015 có khả năng ở xấp xỉ trung bình nhiều năm (1965-2012).

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VIII và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng IX/2015 và dự báo khí hậu 3 tháng IX, X và XI/2015 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng nhìn chung ổn định nhưng ít thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp (các cây trồng trong tình trạng phát triển từ trung bình đến khá, một số cây trồng như Cam ở Hoài Đức và Lạc ở Yên Định phát triển kém) do nền nhiệt độ quá cao, mưa dông nhiều;

- Do điều kiện khí tượng nông nghiệp thuận lợi cho sâu bệnh (lùn sọc đen, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu năn, bọ trĩ, bệnh đạo ôn lá, ốc bươu vàng) phát triển, gây hại nhiều diện tích lúa mùa đang trong giai đoạn trổ bông, các địa phương trong vùng cần có các biện pháp phòng chống sự phát triển và lây lan của sâu bệnh hại lúa và các loại rau màu.

- Trong những tháng tiếp theo, ở các tỉnh miền núi phía Bắc có khả năng lượng mưa thấp hơn TBNN, nên cần có biện pháp đảm bảo nước cho lúa mùa và các loại cây rau màu.

- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

2. Miền Nam

- Do mưa nhiều ở các tỉnh Nam Bộ, gây khó khăn cho thu hoạch lúa hè thu, các địa phương trong vùng cần tranh thủ thời gian khô ráo để thu hoạch lúa hè thu và có biện pháp thoát nước, phòng sâu bệnh cho trà lúa hè thu đang trong giai đoạn mọc dón, ngâm sữa.

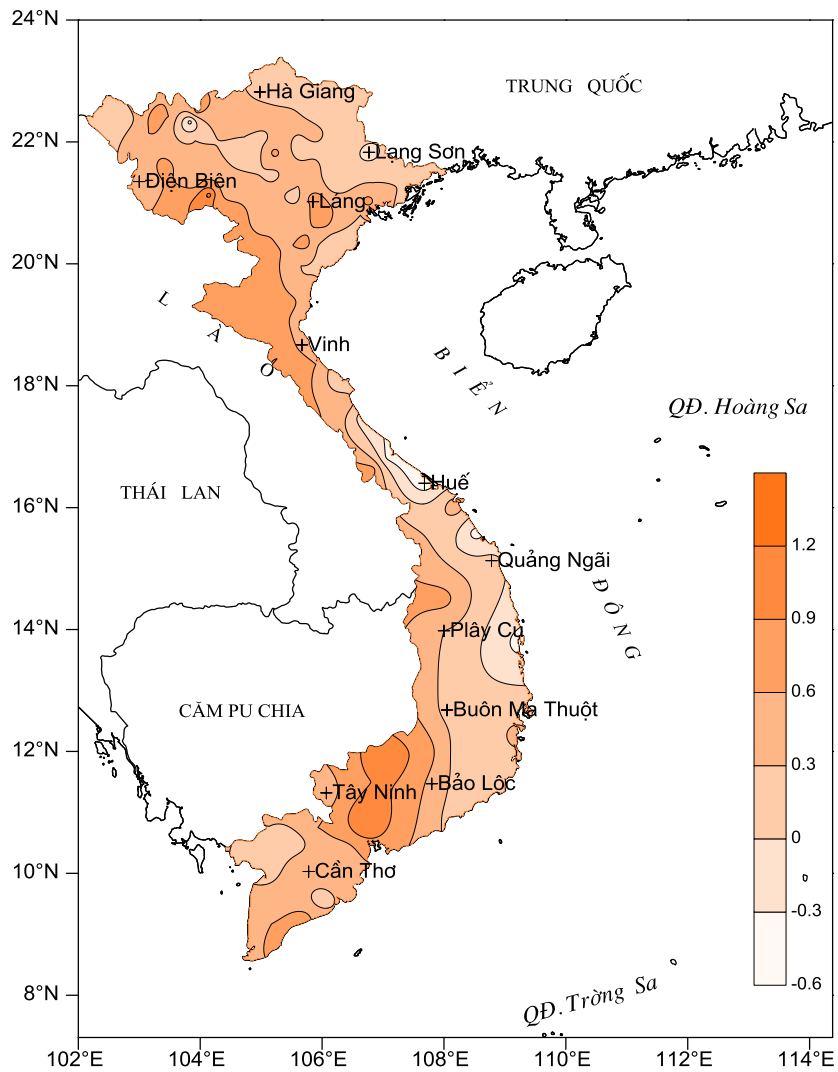
- Tích cực chủ động các biện pháp giảm tác hại của mưa lớn đối với các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

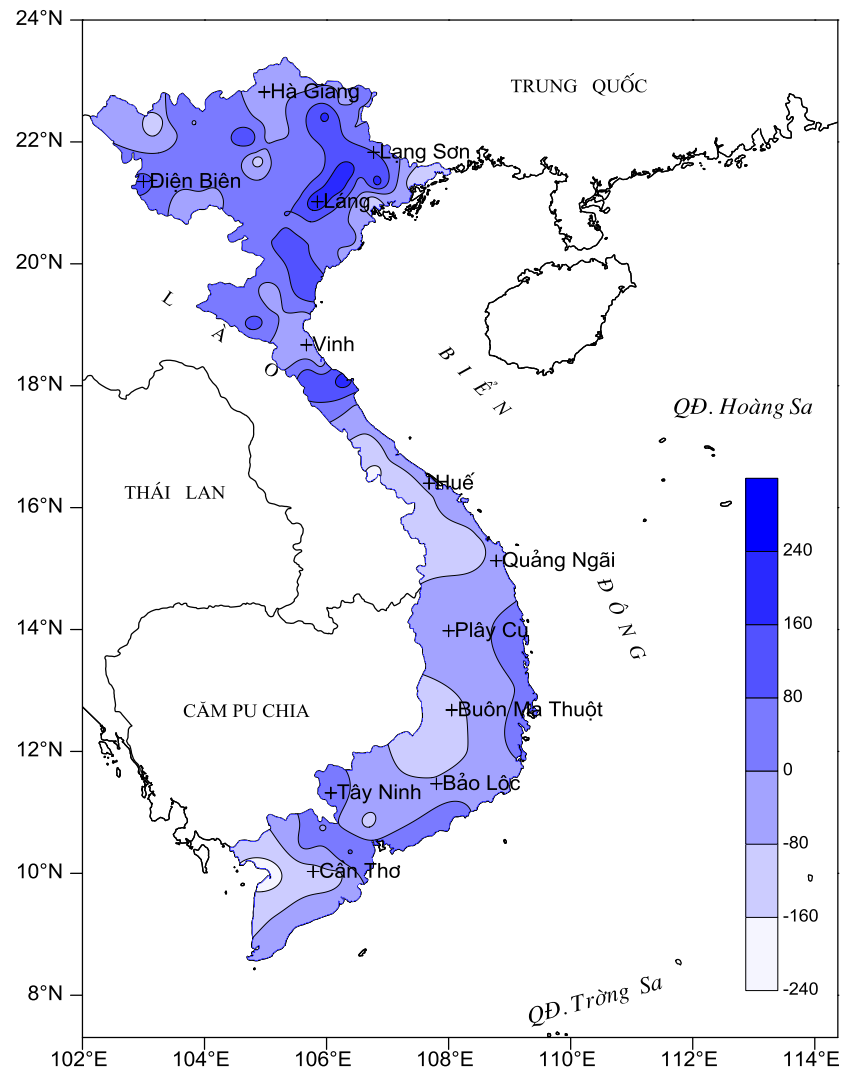
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng IX, X, XI năm 2015;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng IX năm 2015 các khu vực trên phạm vi cả nước;

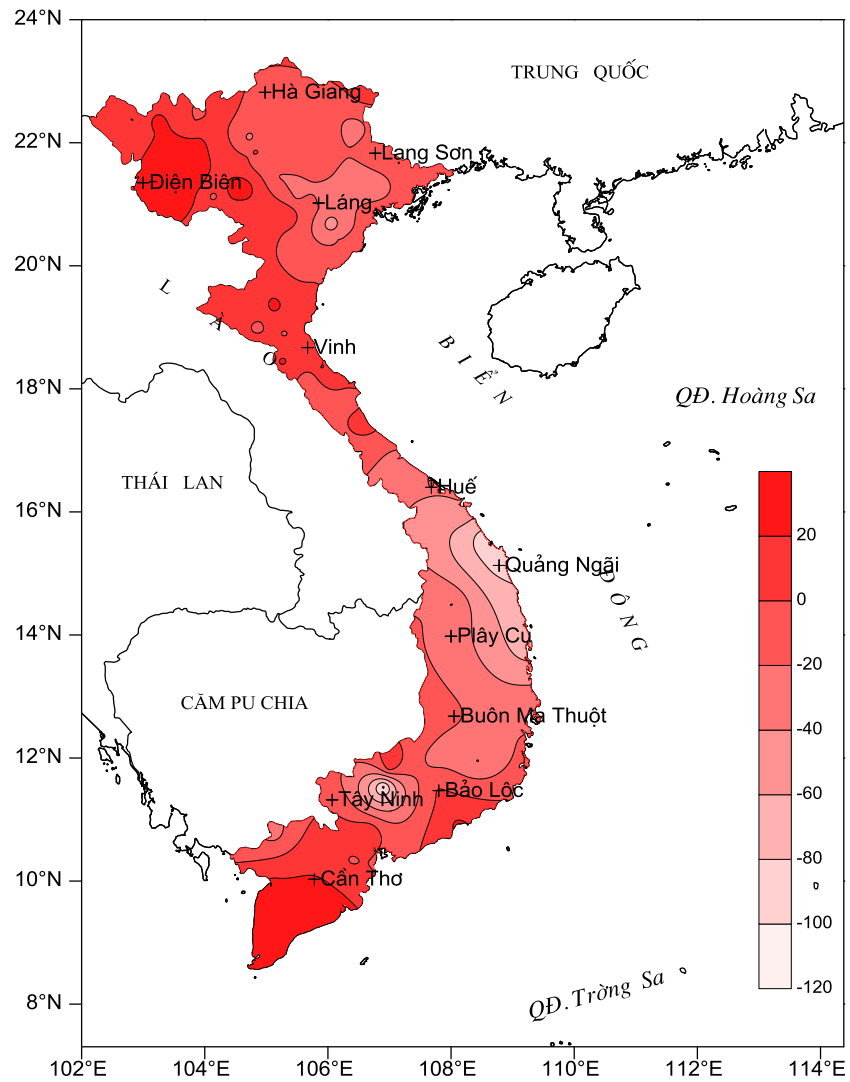
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VIII năm 2015 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



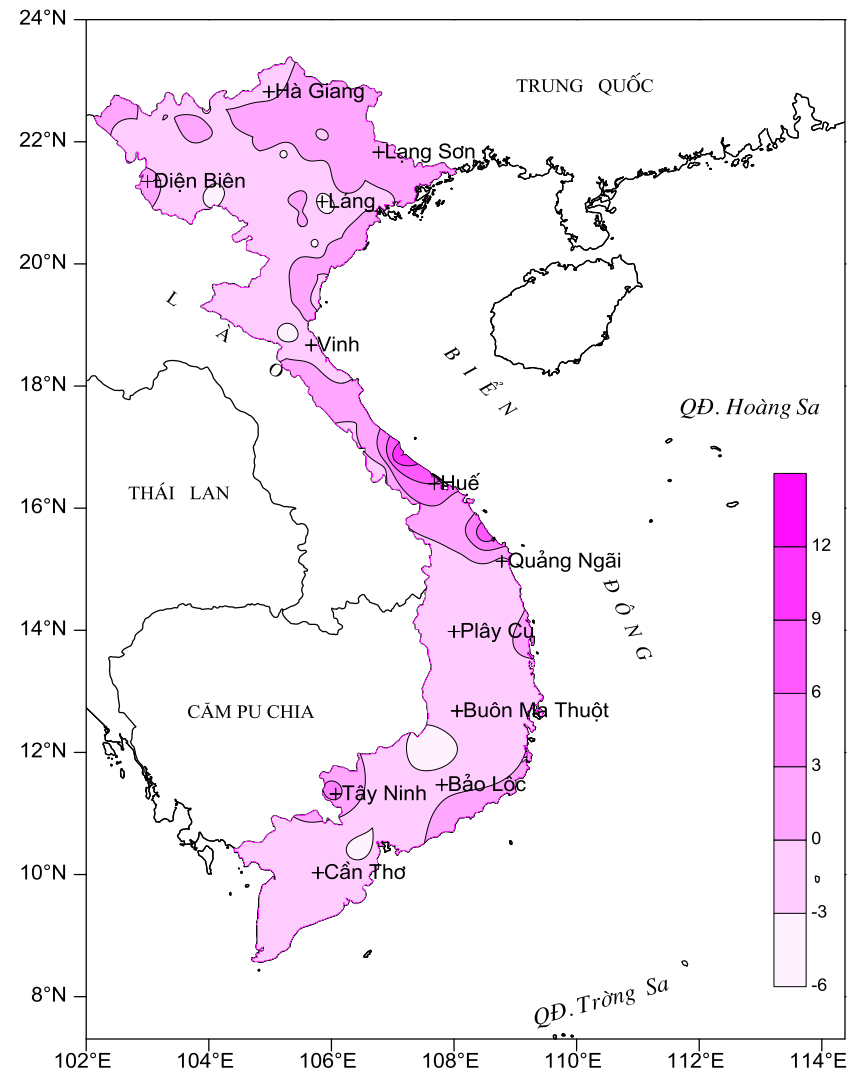
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng VIII/2015 so với TBNN (°C)



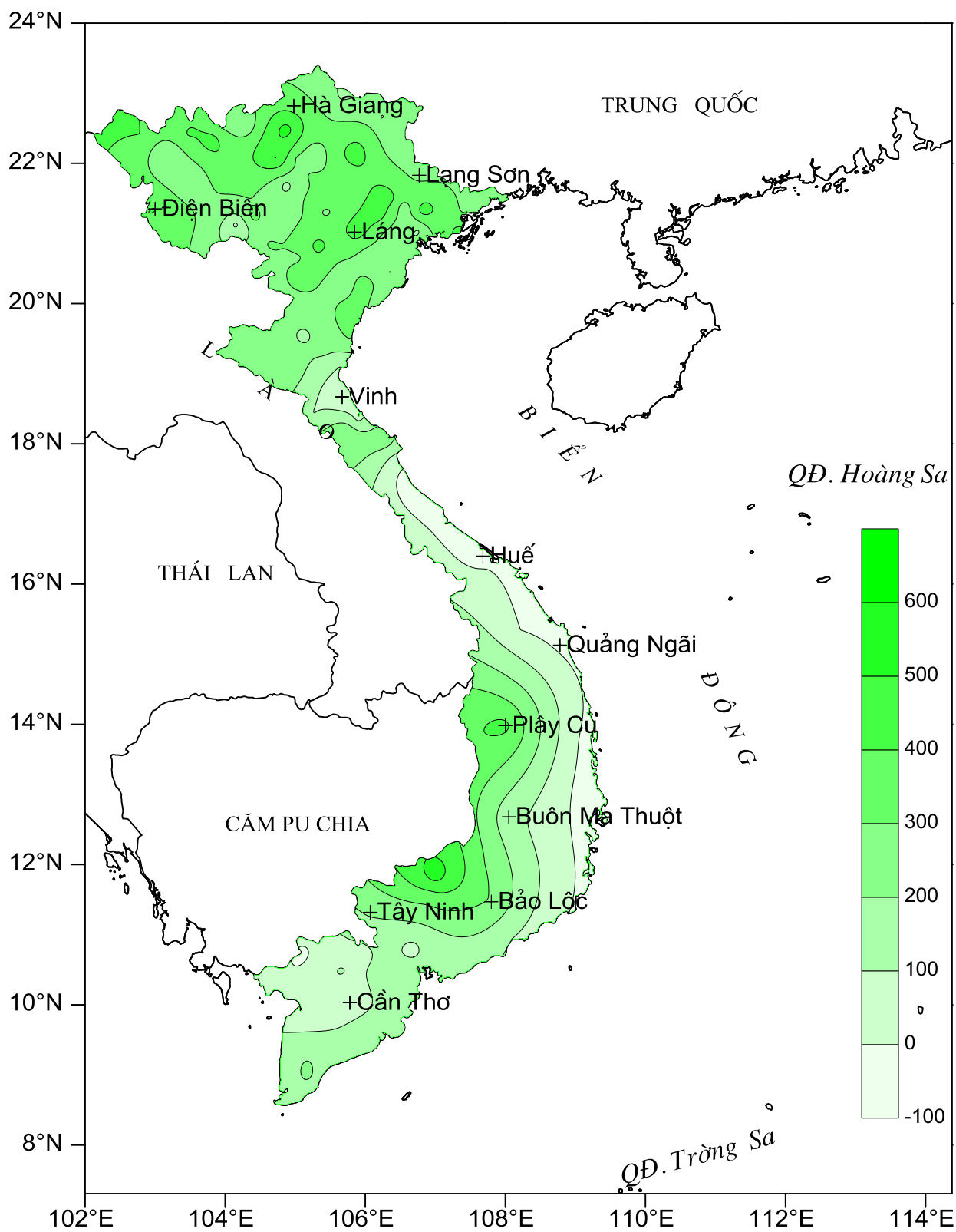
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng VIII/2015 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng VIII/2015 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng VIII/2015 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng VIII/2015 (mm)